TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS - ST

Ngày 07/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Bằng Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Tiến Viễn**

Ông **Phạm Văn Ký**

-***Thư ký phiên tòa****: Bà* **Phạm Thị Huệ –** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thanh Sơn -** Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/HSST ngày 17/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Anh L, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1986 tại xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Xuân L (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 22/11/2017 được thay thế bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

- Ông Bùi Đình K, sinh năm 1968.

Trú tại: Xóm 2, thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Mai Thị S, sinh năm 1969.

Trú tại: Xóm 2, thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tại phiên tòa vắng mặt ông K, bà S.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1967.

Trú tại: Xóm 12, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn 4, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt bà L1, bà L, chị T.

**** Người tham gia tố tụng khác:***

+ Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964.

Trú tại; Xóm 12, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Dương Đức C, sinh năm 1972.

Trú tại : Xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt : ông C, anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 19/11/2017, L đi xe Bus từ thành phố Ninh Bình theo QL 10 để về nhà (ở thôn 4, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa). Khi đi đến khu vực thị trấn Y, huyện Y, L xuống xe đi bộ sang huyện Y với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 9 giờ cùng ngày, Khi đi đến khu vực xóm 2, thôn T, xã Y, huyện Y; L phát hiện ở bên đường có gia đình bà Mai Thị S, cửa cổng không đóng, trong sân có dựng 01 xe đạp nữ màu đỏ cũ đã qua sử dụng, không có người trông coi, L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp. L đi vào sân dắt chiếc xe đạp ra khỏi cổng rồi lên xe đi về hướng ngã ba Lồng, xã Y. Đến ngã ba Lồng, L đi theo đường QL 12B lên thị trấn Y, huyện Y, đến khu vực ngã ba Ngò, L rẽ phải đi về hướng xã K, huyện Y. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến khu vực xóm 12, xã K, L phát hiện ở bên đường có nhà bà Bùi Thị L1 không có cổng, không có tường rào bảo vệ, trong sân có dựng một xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN BKS 35F9 – 2823 của ông Bùi Đình K, bên trong giỏ xe mô tô có một mũ bảo hiểm nhãn hiệu Protec, một kính bảo hộ gọng nhựa của ông Kiên, xe không khóa cổ, khóa càng, không có người trông coi, L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nên đạp xe đi qua nhà bà L1 khoảng 50m, để lại chiếc xe đạp ở bên đường, rồi quay

lại đi vào sân nhà bà L1 dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Deahan BKS 35F9 – 2823 ra đến khu vực nghĩa trang Đồng Vỡ, tháo mặt nạ xe mô tô bỏ ở bờ ruộng ngay cạnh vị trí xe, L đấu dây điện để nổ máy nhưng không được. L để xe lại nghĩa trang đi tìm mua tuốc nơ vít phá ổ khóa điện, L đi bộ đến khu vực xóm Cầu, xã Khánh Dương vào cửa hàng tạp hóa của gia đình chị Nguyễn Thị T mua một chiếc tuốc nơ vít cán bằng nhựa sơn các mảu đen, trắng, đỏ, thân tuốc nơ vít bằng kim loại sáng màu, có hai đầu, một đầu mở vít loại hai cạnh, một đầu mở vít loại bốn cạnh với giá 17.000đ, quay lại vị trí để xe dùng đầu tuốc nơ vít cho vào ổ khóa điện, vặn tháo nhưng cũng không mở được ổ khóa. L bỏ tuốc nơ vít vào giỏ xe, bỏ mũ bảo hiểm, kính bảo hộ xuống bờ ruộng ngay vị trí mặt nạ xe, rồi dùng tay tháo hai gương chiếu hậu bỏ vào giỏ xe, sau đó dắt xe mô tô đi về hướng trục đường bê tông thuộc xóm 3, xã K tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi L đang dắt xe trên đường bê tông, đến gần trụ sở UBND xã K thì bị tổ công tác của Công an huyện Yên Mô phát hiện, kiểm tra, L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự giác giao nộp chiếc xe DAEHAN BKS 35F9- 2823, chiếc tuốc nơ vít, hai gương chiếu hậu. Ngoài ra cơ quan Công an huyện Yên Mô đã thu giữ tại bờ ruộng, khu vực nghĩa trang Đồng Vỡ thuộc cánh đồng Sám ở xóm 3, xã K 01 mặt nạ xe mô tô, 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Protec, 01 kính bảo hộ; thu giữ tại khu vực đường ĐT 480C thuộc xóm 12, xã K 01 xe đạp nữ màu đỏ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Yên Mô đã có quyết định trưng cầu định giá đối với các tài sản do L trộm cắp ngày 19/11/2017. Tại Kết luận định giá số 11 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Mô kết luận: Tại thời điểm ngày 19/11/2017, 01 xe mô tô nhãn hiệu Deahan BKS 35F9 – 2823 trị giá 2.625.000đ và 01 xe đạp nữ màu đỏ trị giá 40.000đ. Như vậy, tổng trị giá tài sản L trộm cắp là 2.665.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 16/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Hoàng Anh L về tội "Trộm cắp trài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố để xét xử bị cáo L về tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị áp dụng các biện pháp tư pháp về xử lý vật chứng, án phí và các vấn đề khác liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô, điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Sáng ngày 19/11/2017, trên đường đi từ thành phố Ninh Bình về nhà, khi đến thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, với mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài, L đã xuống xe đi bộ từ thị trấn Y sang huyện Y, trên đường đi L đã quan sát những nhà ven đường xem có nhà nào sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Tại nhà bà Mai Thị S ở thôn T, xã Y, huyện Yên Mô khi thấy có chiếc xe đạp ở trong sân, không có người trông coi, L đã trộm cắp chiếc xe đạp của bà S. Trên đường đi tiếp khi đến nhà bà L1 ở tại xóm 12, xã K, huyện Y, L đã lấy trộm chiếc xe mô tô của ông Bùi Đình K để ở trong sân nhà bà L1. Tổng trị giá tài sản L trộm cắp là 2.665.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trên đường dắt xe đi tiêu thụ L đã bị bắt giữ, L đã tự giao nộp số tài sản lấy của ông K và bà S cho cơ quan điều tra Công an huyện Y.

Lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu có trong hồ sơ.

Bị cáo lợi dụng khi tài sản của bà Mai Thị S và ông Bùi Đình K trong lúc không có ai trông coi đã lén lút trộm cắp tài sản của họ. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS .

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt thì cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tài sản trộm cắp cho cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo có thái độ ăn năn hối cải, trong quá trình điều tra những người bị hại đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xét nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần

hình phạt và không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo. Bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án cho bị cáo.

[3].Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K đã nhận lại xe mô tô, mặt nạ xe, gương chiếu hậu, L và gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho ông K số tiền 1.000.000đ để sửa chữa xe mô tô. Bà S đã nhận lại xe đạp. Nay không có ai yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chừng gồm: 01 tuốc nơ vít, 01 mặt nạ xe mô tô, 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Protec, 01 kính bảo hộ, 02 gương chiếu hậu, 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN và chiếc xe đạp màu đỏ. Xét thấy, chiếc mặt nạ xe mô tô, mũ bảo hiểm, kính bảo hộ, xe mô tô là tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông Bùi Đình K, chiếc xe đạp là tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà Mai Thị S nên cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản đó cho ông K và bà S là đúng quy định của pháp luật. Chiếc tuốc nơ vít là vật dụng bị cáo L dùng để thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo bị tuyên có tội nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bịc cáo Hoàng Anh L, phạm tội : " Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Anh L 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 03 (ba) ngày vào thời gian chấp hành hình phạt, với mức quy đổi cứ một ngày tạm giữ được tính bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Do vậy, thời gian bị cáo chấp hành hình phạt được trừ là 09 ngày, nên bị cáo L còn phải chấp hành hình phạt là 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính từ ngày chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án của Tòa án. Giao bị cáo Hoàng Anh L cho UBND xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy chiếc tuốc nơ vít. Tình trạng cụ thể của vật chứng theo như Biên bản giao, nhận

vật chứng ngày 17/01/2018 giữa Công an huyện Yên Mô và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Anh L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại,người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Bằng Linh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND huyện Yên Mô.*
- *Công an huyện Yên Mô.*
- *Chi cục THADS.*
- *Bị cáo, người bị hại.*
- *Lưu hồ sơ, án văn*